

Số: 05/2026/QĐ-CTUBND

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 424/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 5 năm 2026;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định.

2. Đối tượng áp dụng: Chủ đầu tư dự án thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế; cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến việc trồng rừng thay thế.

Điều 2. Đơn giá trồng rừng thay thế

Đơn giá 01 ha trồng rừng thay thế: 270.559.000 đồng/ha (Bằng chữ: Hai trăm

bảy mươi triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Căn cứ đơn giá tại Điều 2 Quyết định này để hướng dẫn việc thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế theo đúng quy định.

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh đơn giá trồng rừng thay thế khi cần thiết phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật trồng rừng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các đối tượng có liên quan đến việc trồng rừng thay thế trên địa bàn về nội dung của Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2. Quy định chuyển tiếp: Trường hợp đã có văn bản chấp thuận việc nộp tiền trồng rừng thay thế của cơ quan có thẩm quyền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện việc nộp tiền theo đơn giá trồng rừng thay thế tại văn bản chấp thuận. Đối với trường hợp đã có thông báo chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đã quá 12 tháng mà chưa nộp tiền trồng rừng thay thế thì thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá tại Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XIV; Giám đốc Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Môi trường tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn